



TT	Nguồn vốn	KH đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách địa phương đã được thông qua tại Nghị quyết số 72/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách địa phương										
			Tổng số thực hiện cả giai đoạn 2016-2020	KH năm 2016		KH năm 2017		KH năm 2018		KH năm 2019		KH năm 2020	
				Kế hoạch đầu năm	Thực hiện	Kế hoạch đầu năm	Thực hiện	Kế hoạch đầu năm	Thực hiện	Kế hoạch đầu năm	Thực hiện	Kế hoạch đầu năm	Thực hiện
B	<b>PHÂN BỐ CHI TIẾT</b>		14.044.394	1.315.600	2.139.080	1.531.840	2.315.749	1.896.270	2.880.143	2.320.081	3.152.851	2.946.984	3.556.571
B.1	<b>PHÂN CẤP NGÂN SÁCH TỈNH</b>		10.546.595	927.100	1.665.061	1.115.340	1.699.678	1.502.870	2.043.217	1.945.581	2.374.442	2.379.984	2.764.197
I	Phần tỉnh trực tiếp quản lý, điều hành (Chi tiết theo Phụ biểu II)		7.283.860	832.600	1.442.793	682.340	1.349.963	866.870	1.360.039	1.079.581	1.436.581	1.364.484	1.694.484
1	Trả vay ngân hàng phát triển, trả nợ vay vốn WB dự án cấp nước và vệ sinh nông thôn đồng bằng sông Hồng		194.500	194.500	194.500	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Hỗ trợ các huyện, thành phố xây dựng nông thôn mới		278.400	-	-	119.000	119.000	112.400	119.400	40.000	40.000		
3	Lập quy hoạch tỉnh Nam Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050		10.000	-	-							10.000	10.000
4	Bổ trí vốn thực hiện các dự án tỉnh trực tiếp quản lý điều hành		6.800.960	638.100	1.248.293	563.340	1.230.963	754.470	1.240.639	1.039.581	1.396.581	1.354.484	1.684.484
II	Phần các huyện, thành phố quản lý, điều hành (Các huyện, thành phố chủ động dự kiến danh mục dự án và số vốn phân bổ chi tiết cho từng dự án theo đúng quy định, trình UBND tỉnh ban hành quyết định phân bổ vốn) (Chi tiết theo Phụ biểu III)		3.262.735	94.500	222.268	433.000	349.715	636.000	683.178	866.000	937.861	1.015.500	1.069.713
1	Hỗ trợ xây dựng Thành phố Nam Định hình thành rõ nét một số chức năng Trung tâm vùng Nam Đồng bằng sông Hồng		140.000	28.000	28.000	28.000	28.000	28.000	28.000	28.000	28.000	28.000	28.000
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất tái định cư cho nhân dân làm nhà ở và các khu đô thị tại thành phố Nam Định; ngân sách tỉnh cấp lại 100% cho thành phố để chi đầu tư xây dựng các công trình, cơ sở hạ tầng trên địa bàn thành phố Nam Định		944.609	66.500	194.268	105.000	211.551	105.000	165.071	110.000	156.464	145.000	217.255
3	Nguồn thu tiền sử dụng đất các khu đô thị, khu dân cư tập trung cấp lại cho các huyện		2.178.126	-	-	300.000	110.164	503.000	490.107	728.000	753.397	842.500	824.458
a	Nguồn thu tiền sử dụng đất các khu đô thị tại thị trấn các huyện: Bổ trí vốn cho GPMB, đầu tư xây dựng hạ tầng các khu đô thị; Phần còn lại ngân sách tỉnh cấp lại 100% cho các huyện và được phân bổ theo đúng quy định tại Nghị quyết của HĐND tỉnh		1.834.408	-	-	300.000	110.164	503.000	490.107	350.000	642.567	370.000	591.570
b	Nguồn thu tiền sử dụng đất các khu dân cư tập trung trên địa bàn các xã do UBND tỉnh quyết định đầu tư: Bổ trí vốn cho GPMB, đầu tư xây dựng hạ tầng các khu dân cư tập trung; Phần còn lại ngân sách tỉnh cấp lại 70% cho các huyện và được phân bổ theo đúng quy định tại Nghị quyết của HĐND tỉnh		343.718	-	-	-	-	-	-	378.000	110.830	472.500	232.888
B.2	<b>PHÂN CẤP NGÂN SÁCH HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ TRẤN, XÃ</b>		3.497.799	388.500	474.019	416.500	616.071	393.400	836.926	374.500	778.409	567.000	792.374